

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo lần 2

THÔNG TƯ

**Quy định về kiểm kê và lập hồ sơ khoa học
di sản tư liệu để ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP, ngày tháng năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa;

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu .

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân trong nước; cơ quan, tổ chức của Việt Nam và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoặc có liên quan kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Di sản tư liệu* là tài sản trí tuệ đối với một cộng đồng, một nền văn hóa, một quốc gia, khu vực hoặc thế giới; được lưu lại có chủ đích trên một vật mang tin có thể bảo quản và di chuyển/chia sẻ được; có giá trị về lịch sử, văn hóa,

khoa học và các lĩnh vực khác; được cơ quan, tổ chức hay cá nhân lưu giữ, bảo vệ và phát huy giá trị.

2. *Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu*: là danh sách các di sản tư liệu có giá trị tiêu biểu của quốc gia về lịch sử, văn hóa, khoa học, kinh tế, chính trị và các lĩnh vực khác của xã hội, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê chuẩn.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với việc kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để đưa vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.

1. Trách nhiệm của các Bộ và cơ quan ngang Bộ:

Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm kê, phê duyệt kế hoạch kiểm kê, bố trí kinh phí cho việc kiểm kê di sản tư liệu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và có phương án bảo vệ và phát huy giá trị di sản sau khi được ghi danh.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh):

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm kê, phê duyệt kế hoạch kiểm kê, bố trí kinh phí cho việc kiểm kê di sản tư liệu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và có phương án bảo vệ và phát huy giá trị di sản sau khi được ghi danh.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (sau đây gọi là cơ quan đầu mối tham mưu) và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thể thao, Thông tin và Du lịch (sau đây gọi tắt là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch):

a) Lập kế hoạch kiểm kê ngắn hạn và dài hạn trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện;

b) Giới thiệu, quảng bá mục đích, nhiệm vụ kiểm kê nhằm nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, chủ sở hữu/quản lý di sản tư liệu và cá nhân có liên quan: tạo điều kiện cho việc kiểm kê di sản tư liệu, lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu để xem xét ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu và thực hiện các phương án bảo vệ và phát huy giá trị di sản sau khi được ghi danh.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

KIỂM KÊ DI SẢN TƯ LIỆU

Điều 4. Đối tượng kiểm kê

1. Đối tượng kiểm kê là di sản tư liệu đang tồn tại, bao gồm các loại hình sau đây:

- a) Tài liệu văn bản;
- b) Tài liệu phi văn bản;
- c) Tài liệu số;
- d) Bản sao hợp pháp (đối với tài liệu gốc có giá trị đã biến mất vĩnh viễn)

2. Ưu tiên kiểm kê di sản tư liệu đang bị hủy hoại và có nguy cơ biến mất vĩnh viễn.

Điều 5. Nội dung kiểm kê

Việc kiểm kê cần thu thập thông tin có nội dung sau đây:

1. Tên gọi: Xác định tên thường gọi và tên gọi khác (nếu có);

2. Loại hình: Căn cứ vào khoản 1, Điều 4 Thông tư này để xác định loại hình di sản tư liệu. Trường hợp di sản tư liệu thuộc nhiều loại hình thì xác định đầy đủ các loại hình có liên quan;

3. Địa điểm: Xác định địa danh nơi di sản tư liệu đang tồn tại; di sản tư liệu tồn tại ở nhiều địa điểm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi cụ thể đến cấp phường, xã, thị trấn;

4. Tình trạng pháp lý

a) Trường hợp chủ sở hữu là cơ quan, tổ chức: Xác định rõ tên cơ quan, địa chỉ và những thông tin liên quan đến cơ quan, tổ chức.

b) Trường hợp chủ sở hữu là cộng đồng, nhóm người: Xác định tên người đại diện cho cộng đồng, nhóm người đó. Thông tin về những người đại diện cần xác định như quy định tại điểm a khoản này.

c) Trường hợp chủ sở hữu là một cá nhân: Xác định rõ họ tên, tuổi, dân tộc, nghề nghiệp, địa chỉ nơi cư trú và những thông tin liên quan đến chủ sở hữu di sản tư liệu;

d) Trường hợp người quản lý di sản tư liệu không phải là chủ sở hữu di sản: xác định họ tên, tuổi, dân tộc, nghề nghiệp, địa chỉ nơi cư trú và những thông tin liên quan đến quyền sở hữu và quản lý di sản tư liệu.

5. Tình trạng vật lý: Xác định tình trạng bảo quản và khả năng tiếp cận di sản tư liệu, nguy cơ, nguyên nhân mai một của di sản tư liệu;

6. Mô tả di sản tư liệu

a) Quá trình hình thành, tồn tại của di sản tư liệu (xác định thời gian);

b) Hình thức biểu hiện, số lượng (theo đơn vị tính cho tài liệu văn bản, phi văn bản, độ dài thời gian, trữ lượng tệp tin đối với tài liệu điện tử,...) của di sản tư liệu;

7. Đánh giá giá trị: Xác định giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và ý nghĩa của di sản tư liệu đối với đời sống cộng đồng địa phương hiện nay và đối với quốc gia, khu vực và thế giới, trong đó cần phân tích rõ theo các tiêu chí về tính đại diện, tính xác thực, tính toàn vẹn, phương thức bảo quản và tiếp cận của di sản...;

8. Đề xuất kế hoạch và biện pháp bảo vệ di sản tư liệu;

9. Lập thư mục tài liệu có liên quan tới di sản tư liệu, bao gồm các xuất bản phẩm, tư liệu khảo sát điền dã và tài liệu khác.

Điều 6. Phương pháp kiểm kê

1. Gửi Phiếu điều tra đến văn phòng các Bộ, ban ngành, cơ quan quản lý và lưu trữ, các tổ chức liên quan yêu cầu báo cáo tình hình tư liệu, tài liệu quý hiếm hiện đang quản lý trong các Trung tâm lưu trữ, thư viện, bảo tàng và gia đình dòng họ trên địa bàn;

2. Khảo sát điền dã, ghi chép, phỏng vấn, ghi âm, chụp ảnh, quay phim, khuyến khích số hóa để thu thập thông tin và tư liệu hóa di sản tư liệu.

3. Phân tích, đối chiếu, so sánh, đánh giá, tổng hợp các tư liệu về di sản tư liệu.

Điều 7. Quy trình tổ chức kiểm kê

1. Quy trình kiểm kê:

a) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm kê di sản tư liệu;

b) Thành lập Ban kiểm kê di sản tư liệu:

- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định thành lập Ban kiểm kê di sản tư liệu, gồm: Trưởng ban là đại diện lãnh đạo Bộ hoặc tương đương; Thành viên Ban kiểm kê gồm đại diện Lãnh đạo Văn phòng Bộ, đại diện Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị; Trung tâm lưu trữ Thông tin và Truyền thông; các chuyên gia về lĩnh vực di sản tư liệu; tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Ban kiểm kê di sản tư liệu, gồm: Trưởng ban là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thành viên Ban kiểm kê gồm đại diện Lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Ngoại vụ; Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Tập huấn cho những người tham gia kiểm kê về các nội dung quy định tại các Điều 7, 8, 9 Thông tư này;

d) Nghiên cứu thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng kiểm kê;

đ) Khảo sát điền dã, thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê theo nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này;

e) Lập Phiếu kiểm kê (Mẫu số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

g) Lập Danh mục Kiểm kê di sản tư liệu (Mẫu số 3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

h) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả kiểm kê sơ bộ và thông báo với cơ quan, tổ chức và cộng đồng địa phương nơi quản lý di sản tư liệu;

i) Lập hồ sơ kiểm kê.

k) Công bố Danh mục kiểm kê di sản tư liệu.

2. Các Bộ và cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch kiểm kê tổng thể di sản tư liệu trên phạm vi quản lý trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và định kỳ 02 năm 01 lần thực hiện việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh Danh mục kiểm kê.

3. Trong quá trình kiểm kê, khi phát hiện di sản tư liệu cần bảo vệ khẩn cấp và có nguy cơ biến mất hoàn toàn, các cơ quan đầu mối tham mưu báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để kịp thời có biện pháp bảo vệ.

Điều 8. Hồ sơ kiểm kê

1. Hồ sơ kiểm kê bao gồm:

a) Báo cáo kết quả kiểm kê: Trình bày thông tin cơ bản về quá trình kiểm kê, số lượng, tên gọi, loại hình, giá trị, hiện trạng, biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu. Báo cáo kiểm kê phải có chữ ký của Trưởng ban kiểm kê;

b) Phiếu kiểm kê;

c) Danh mục kiểm kê di sản tư liệu;

d) Bản cam kết của chủ sở hữu/quản lý di sản;

đ) Bảng ghi âm, ghi hình, ảnh, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ...;

e) Nhật ký khảo sát điền dã và các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ kiểm kê được lưu giữ tại các cơ quan đầu mối tham mưu và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 9. Báo cáo và công bố kết quả kiểm kê

1. Các cơ quan đầu mối tham mưu có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả kiểm kê và công bố kết quả kiểm kê.

2. Các cơ quan đầu mối tham mưu có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kết quả kiểm kê ở Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương. Thời hạn báo cáo chậm nhất là ngày 31 tháng 10 hằng năm.

Mục 2

LẬP HỒ SƠ KHOA HỌC DI SẢN TƯ LIỆU ĐỂ

GHI DANH VÀO DANH MỤC QUỐC GIA VỀ DI SẢN TƯ LIỆU

Điều 10. Tiêu chí lựa chọn di sản tư liệu để lập hồ sơ khoa học

Di sản tư liệu được lập hồ sơ khoa học để ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu phải có đủ các tiêu chí sau đây:

1. Có tính đại diện, thông tin chứa đựng giá trị tiêu biểu, thể hiện bản sắc và có ý nghĩa đối với cộng đồng, địa phương, quốc gia, khu vực, thế giới;
2. Thể hiện tính xác thực;
3. Tính toàn vẹn;
4. Phương thức và mức độ tiếp cận;
5. Được cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân sở hữu di sản, tự nguyện đề cử và cam kết bảo vệ.

Điều 11. Trình tự, thủ tục lập và gửi hồ sơ khoa học di sản tư liệu đề nghị ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.

1. Các cơ quan đầu mối tham mưu, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức lập hồ sơ khoa học di sản tư liệu trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.

2. Hồ sơ di sản tư liệu bao gồm:

a) Đơn đề nghị ghi danh (Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Lý lịch khoa học của di sản tư liệu (Mẫu số 4 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Ảnh: Tập ảnh gồm ít nhất 10 ảnh màu, khổ 10cm x 15cm, chú thích đầy đủ, đảm bảo đủ cơ sở để nhận diện di sản và gửi kèm theo ảnh lưu trữ trên các phương tiện kỹ thuật số;

c) Bản ghi hình: Ghi trên băng hoặc đĩa, hoặc các hình thức khác; độ dài tối thiểu 10 phút, hình ảnh rõ nét, đảm bảo đủ cơ sở để nhận diện giá trị di sản;

d) Bản ghi âm: Ghi trên băng hoặc đĩa, hoặc các hình thức khác; âm thanh rõ nét, đảm bảo đủ cơ sở để nhận diện di sản;

đ) Nơi bảo quản di sản tư liệu;

e) Báo cáo và tư liệu khảo sát điền dã có liên quan tới di sản tư liệu;

g) Bản cam kết bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc đại diện của nhóm, cộng đồng chủ sở hữu/quản lý di sản (Mẫu số 5 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

h) Bản cam kết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trao quyền sử dụng các tư liệu kèm theo hồ sơ khoa học di sản tư liệu (Mẫu số 6 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

i) Danh mục các tài liệu trong hồ sơ.

3. Hồ sơ khoa học di sản tư liệu được lưu giữ tại Các cơ quan đầu mối tham mưu, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Cục Di sản văn hóa bằng văn bản và định dạng số.

Điều 12. Thẩm định Hồ sơ khoa học di sản tư liệu

1. Cục trưởng Cục Di sản văn hóa trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ khoa học di sản tư liệu (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) để tư vấn giúp Bộ trưởng quyết định ghi danh di sản tư liệu vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.

2. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm các nhà quản lý, các nhà khoa học có uy tín trong lĩnh vực lịch sử, lưu trữ, bảo tàng, nghệ thuật, âm nhạc, điện ảnh, ngôn ngữ và các lĩnh vực khác liên quan đến di sản tư liệu.

3. Cục trưởng Cục Di sản văn hóa căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc ghi danh di sản tư liệu vào Danh mục quốc gia về Di sản tư liệu.

4. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Hội đồng quốc gia và Tờ trình của cơ quan có thẩm quyền, Cục Di sản văn hóa trình Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định các hồ sơ di sản có giá trị trình Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới đề nghị ghi danh Di sản tư liệu khu vực châu Á – Thái Bình Dương và Di sản thế giới theo định kỳ quy định của UNESCO.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Cục Di sản văn hóa chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện Thông tư này tại địa phương.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền thường xuyên, rộng rãi và tổ chức hướng dẫn thực hiện đầy đủ các quy định của Thông tư này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng CP và các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ; VP Quốc hội;
- Ủy ban VHGD TNTNND của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng Cục, VP, Thanh tra, Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL các tỉnh, thành phố;
- Liên hiệp các hội văn học, nghệ thuật Việt Nam;
- Công báo Văn phòng CP; Công TTĐT Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, DSVH (2), PKN (500).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng